

Số: 24 /GCN-TY-KH

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2019

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM**

Căn cứ Nghị định 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 1399/QĐ-BNN-TCCB ngày 13/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thú y;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Kế hoạch, Cục Thú y chứng nhận:

1. Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc thú y TWII.

- Địa chỉ: Số 521/1 Hoàng Văn Thụ, P. 4, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 028 38118302 Fax: 028 38117184
- Email: nvc.dah@gmail.com

Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với lĩnh vực sau: thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y (chi tiết 14 phép thử được chứng nhận đăng ký hoạt động trong Phụ lục kèm theo).

2. Số đăng ký: TN 52 – 18 BNN/L2

3. Giấy chứng nhận này được cấp lần hai và có hiệu lực đến ngày 30/7/2023./.

Nơi nhận:

- Như Mục 1;
- Vụ KHCN và MT;
- TT THPTK;
- Cục trưởng (để b/c);
- Lưu: KH.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Thu Thủy

Phụ lục: Danh mục các phép thử được chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm
 (Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số: 24 /GCN-TY-KH ngày 05/3 /2019
 của Cục trưởng Cục Thú y)

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
1.	Thuốc thú y (nền mẫu thuốc thú y đơn chất)	Xác định hàm lượng Nitơ (Ammonium carbonate, Ammonium chloride) bằng phương pháp chuẩn độ	TCCS 046:2017/TTKNII
2.		Xác định hàm lượng Amin bậc IV (Cetyl pyridinium chloride, Cetyl trimethyl chloride, Didecyl dimethyl ammonium chloride) bằng phương pháp chuẩn độ	TCCS 088:2017/TTKNII
3.		Xác định hàm lượng Sắt - Dextran (Gleptoferron) bằng phương pháp chuẩn độ	TCCS 041:2017/TTKNII
4.		Xác định hàm lượng SiO ₂ (Magnesium aluminium silicate) bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử AAS	TCCS 230:2017/TTKNII
5.		Xác định hàm lượng Al (Monosteanat d' aluminium) bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử AAS	TCCS 180:2017/TTKNII
6.		Xác định hàm lượng Photpho (Trisodiumphosphate) bằng phương pháp UV-Vis	TCCS 045:2017/TTKNII
7.		Xác định hàm lượng NaHSO ₄ bằng phương pháp chuẩn độ	TCCS 087:2017/TTKNII
8.	Thuốc thú y	Quy trình kiểm nghiệm vắc xin vô hoạt phòng bệnh phó thương hàn lợn	TCCS VX 087:2017/TTKNII
9.		Quy trình kiểm nghiệm vắc xin vô hoạt phòng bệnh tụ huyết trùng gia cầm	TCCS VX 088:2017/TTKNII
10.		Quy trình kiểm nghiệm kháng thể Gumboro	TCCS VX 089:2017/TTKNII
11.		Quy trình kiểm nghiệm kháng thể Newcastle	TCCS VX 090:2017/TTKNII
12.		Định danh Bacillus licheniformis, Bacillus megaterium, Bacillus subtilis, Bacillus thuringiensis, Bacillus circulans	TCCS 101:2017/TTKNII
13.		Định danh Lactobacillus acidophilus, Lactobacillus casei, Lactobacillus plantarum, Pedicococcus acidilactici	TCCS 108:2017/TTKNII
14.		Định danh Aspergillus oryzae, Aspergillus niger, Saccharomyces cerevisiae	TCCS 100:2017/TTKNII